

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thạch Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N; sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đăng L; sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay đang lao động ở Hàn Quốc (Không rõ địa chỉ). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị N và anh Trần Đăng L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/2/2018 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn,

vợ chồng chị N, anh L chung sống hạnh phúc với nhau. Từ ngày 17/11/2018, anh L đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ khi đó, anh L không còn quan tâm đến chị N, giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ khi anh L đi nước ngoài giữa chị và anh L không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đăng L.

Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung tên là Trần Diệu C, sinh ngày 24/5/2019. Hiện tại cháu đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N có nguyện vọng nếu được ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị N và anh L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Đăng L: Quá trình từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho thân nhân và niêm yết theo quy định, nhưng bị đơn là anh Trần Đăng L vắng mặt, do đó không có ý kiến.

Chị Bùi Thị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh L cư trú, chị N chỉ biết hiện nay anh L đang sinh sống tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Trần Văn H và bà Trần Thị L (là bố mẹ đẻ của anh L) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu ông bà thông báo với anh L để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, ông H, bà L cho biết thời gian ở nước ngoài, anh L thường xuyên liên lạc về với ông bà qua ứng dụng Facebook, nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ của anh L vì lý do anh L đi lao động bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Ông H, bà L đã thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị N và anh L nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh L liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng Dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Điều 225, Điều 239, Điều 243, Điều 247 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51, Điều 236, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Chị Bùi Thị N đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Trần Đăng L. Về con chung: Đề nghị giao con chung tên là Trần Diệu C, sinh ngày 24/5/2019 cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét; giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Bùi Thị N pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Nguyên đơn chị Bùi Thị N có hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã V, huyện Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An và bị đơn anh Trần Đăng L có hộ khẩu thường trú tại xóm 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Bị đơn anh Trần Đăng L hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài (Hàn Quốc). Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Đăng L vắng mặt tại phiên tòa.

Theo công văn số 10111/QLXNC-P5 ngày 26/4/2021 của cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thể hiện anh Trần Đăng L xuất cảnh nhiều lần, lần cuối vào ngày 17/11/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị Bùi Thị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Trần đăng L. Tòa án đã tiến hành xác minh tại ông Trần văn H và bà Trần Thị L (là bố mẹ đẻ của anh Trần Đăng L), địa chỉ: xóm 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh L biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, ông H và bà L không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh L ở Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho thân nhân của bị đơn và niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã P, huyện Y là địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh L trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Đăng L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại nơi cư trú của bị đơn, nhưng không có kết quả, được xem là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Đăng L đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Nguyên đơn chị Bùi thị N làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định. Tòa án tiến hành mở các phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Trần Đăng L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/2/2018 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh L chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì đến ngày 17/11/2018 anh L đi lao động nước ngoài, theo chị N cung cấp địa chỉ hiện nay tại Hàn Quốc, từ thời gian đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không còn quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng nhiều lần nhưng không thể hàn gắn và ngày càng trở nên trầm trọng. Từ khi anh L đi lao động tại nước ngoài đến nay giữa chị N và anh L không còn liên lạc với nhau. Đến nay, chị N làm đơn ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Trần Đăng L.

2.2 Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Trần Đăng L có 01 con chung tên là Trần Diệu C, sinh ngày 24/5/2019, hiện nay đang ở với chị Bùi Thị N. Hiện tại anh Trần Đăng L đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị N có nguyện vọng giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cháu Trần Diệu C dưới 36 tháng tuổi cần được giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị N pH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 207, Điều 147; Điều 469; 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Trần Đăng L

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Diệu C, sinh ngày 24/5/2019 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị N không yêu cầu

Anh Trần Đăng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được giải quyết lại theo quy định của Pháp luật.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N pH chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004821 ngày 13/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã P, Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thạch Hùng